

Bản án số: **846/2023/HC-PT**

Ngày: 28 - 11 - 2023

V/v: “*Yêu cầu hủy quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Bà Nguyễn Phương Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhạn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 151/2023/TLPT-HC ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc “*Yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 89/2022/HC-ST ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng bị người khởi kiện kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13163/2023/QĐ-HC ngày 13 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Bùi Lam S, sinh năm 1969; địa chỉ: Số A, Lô B, Chung cư C, tổ dân phố E, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

+ Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đồng Văn V - Luật sư Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Lương Đức C và Hoàng Thị Thu T thuộc Công ty luật TNHH TVD - Đoàn Luật sư thành phố H; đều có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

+ Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Đặng Xuân Đ - Phó Chủ tịch thường trực UBND quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Nguyễn Đức A - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường quận D, thành phố Hải Phòng; ông Trịnh Vũ N - Chánh Thanh tra quận D; đều có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lương Thị N1, sinh năm 1955 và ông Phạm Văn S1, sinh năm 1952. Cùng địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; bà N1 có mặt, ông S1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện trình bày:

Ngày 29/7/2019, ông Bùi Lam S và vợ là bà Đinh Thị T1 đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà Lương Thị N1 và chồng là ông Phạm Văn S1, được công chứng tại Văn phòng công chứng Trần Thị Kim S2, số công chứng 599, quyền số 01/2019/TP/CC-SCC/HĐGD. Theo Hợp đồng này, vợ chồng bà N1, ông S1 chuyển nhượng cho vợ chồng ông S, bà T1 thửa đất số 81, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.660m², địa chỉ tại thôn P, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng. Trước đó, thửa đất trên đã được Ủy ban nhân dân (viết tắt: UBND) huyện K, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt: Giấy CNQSD đất) cho bà Lương Thị N1 số D 0336595, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số 00001 QSDĐ/KT02Q1 ngày 05/6/2002. Sau khi ký hợp đồng, ông S đã đến Văn phòng đăng ký đất đai quận D, thành phố Hải Phòng nộp hồ sơ đăng ký biến động đất nhiều lần nhưng đều bị từ chối tiếp nhận mà không rõ lý do.

Đầu tháng 5/2022, ông S ủy quyền cho bà Trịnh Thị Khánh L làm việc trực tiếp với Văn phòng đăng ký đất đai quận D để làm rõ về việc giải quyết hồ sơ đăng ký biến động của ông và được biết hồ sơ của ông S không đăng ký biến động được với lý do: UBND quận D đã ban hành quyết định hành chính số 1040/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 với nội dung:

- Hủy bỏ Quyết định số 125/QĐ/UB ngày 28/12/1993 của UBND huyện K về việc giao đất và thu hồi đất chuyển nhượng tài sản trong khu dân cư xã H;

- Thu hồi và hủy bỏ giá trị pháp lý Giấy CNQSD đất có số seri D 0336595, số vào sổ 00001 QSDĐ/KT02Q1 ngày 05/6/2002 do UBND huyện K cấp cho bà Lương Thị N1 tại thửa đất số 81, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.660m² thuộc thôn P, xã H, huyện K.

Ông Bùi Lam S cho rằng: Ông mua đất của bà N1 là hợp pháp, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được công chứng, bà N1 đã đóng thuế sử dụng đất hàng năm đầy đủ và không có tranh chấp. Do đó việc UBND quận D ban hành Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 nêu trên là trái pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông. Vì vậy, ngày 26/5/2022, ông Bùi Lam S đã khởi kiện vụ án hành chính, yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết:

- + Hủy bỏ toàn bộ quyết định hành chính số 1040/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của UBND quận D về việc hủy bỏ Quyết định số 125/QĐ-UB ngày 28/12/1993 của UBND huyện K và thu hồi Giấy CNQSD đã cấp ngày 05/6/2002 cho bà Lương Thị N1 tại xã H, huyện K nay là phường H, quận D, thành phố Hải Phòng.

- + Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Bùi Lam S và bà Lương Thị N1 là hợp pháp;

+ Buộc UBND quận D, thành phố Hải Phòng thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất nêu trên từ bà Lương Thị N1 sang tên ông Bùi Lam S và vợ là bà Đinh Thị T1.

Người bị kiện trình bày:

- *Về thẩm quyền thu hồi đất và giao đất cho bà Lương Thị N1:* Theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 23 Luật Đất đai năm 1993 quy định thẩm quyền giao đất thuộc UBND cấp tỉnh trong các trường hợp: “c) *Giao đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp có rừng để hộ gia đình, cá nhân làm nhà ở; đất chuyên dùng này để sử dụng vào mục đích chuyên dùng khác hoặc để làm nhà ở; đất đô thị theo định mức do Chính phủ quy định;* Điều 28 Luật Đất đai năm 1993 quy định: “*Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất nào thì có quyền thu hồi đất đó*”. Do đó, việc UBND huyện K ra Quyết định số 125/QĐ-UB ngày 28/12/1993 khi Luật Đất đai năm 1993 đã có hiệu lực về việc thu hồi đất của Hợp tác xã Thắm len và giao cho bà Lương Thị N1 tại thửa đất số 81, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.660m² tại thôn P, xã H, huyện K (nay là tổ dân phố số 5, phường H, quận D) là không đúng pháp luật, vượt quá thẩm quyền.

Về trình tự thủ tục cấp Giấy CNQSD đất: Ngày 05/6/2022, UBND huyện K cấp Giấy CNQSD đất mang tên bà Lương Thị N1. Các tài liệu đề nghị cấp Giấy CNQSD đất kèm theo lại lập sau ngày cấp Giấy CNQSD đất, cụ thể: Ngày 7, 8, 10/6/2022 từ xã H chưa được cơ quan chuyên môn của UBND huyện K thẩm định để trình UBND huyện. Hiện nay không có sổ sách theo dõi việc cấp Giấy CNQSD đất lần đầu mang tên bà Lương Thị N1 tại thửa đất số 81, tờ bản đồ số 05 diện tích 1.660m² địa chỉ thôn P, xã H, huyện K (nay là Tổ dân phố số E, phường H, quận D) tại các cơ quan đơn vị thuộc huyện K và quận D. Vì vậy, UBND quận D, thành phố Hải Phòng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lương Thị N1 và ông Phạm Văn S1 thống nhất trình bày: Việc UBND huyện K cấp Giấy CNQSD đất cho bà Lương Thị N1 là đúng quy định của pháp luật, hàng năm bà N1 vẫn đóng thuế đất đầy đủ. Mọi thủ tục để đảm bảo việc cấp Giấy CNQSD đất bà N1 đều làm theo sự hướng dẫn của UBND cấp huyện và làm việc với Ủy ban một thời gian dài rồi lại thử thách thực tế là có thật uy tín được nâng cao, nguyện vọng của xã viên ủng hộ, phong trào huyện nhà được phát triển tốt mới được cấp Giấy chứng nhận nên UBND huyện K đã cấp giấy CNQSD đất cho bà N1 là đúng. Bà N1 và ông S1 không nhận được một thông báo hay quyết định gì về việc thu hồi giấy CNQSD đất trước khi bà N1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Bùi Lam S. Bà N1 và ông S1 khẳng định việc cấp giấy CNQSD đất cho bà N1 cũng như việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà N1 và ông S là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 89/2022/HC-ST ngày 26 tháng 10 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 ; Điều 143, Điều 144 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 106, Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; điểm c khoản 3 Điều 23, Điều 28, Điều 36 Luật Đất đai năm 1993; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện (ông Bùi Lam S) về việc yêu cầu Tòa án: Hủy bỏ toàn bộ quyết định hành chính số 1040/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 202 về việc hủy bỏ Quyết định số 125/QĐ-UB ngày 28/12/1993 của UBND huyện K và thu hồi Giấy CNQSD đất đã cấp cho bà Lương Thị N1 tại xã H, huyện K nay là phường H, quận D, thành phố Hải Phòng.

2. Đình chỉ giải quyết các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc:

- Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông S và bà N1 là hợp pháp;

- Buộc UBND quận D, thành phố Hải Phòng thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất nêu trên từ bà Lương Thị N1 cho ông Bùi Lam S.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/10/2022, người khởi kiện là ông Bùi Lam S có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo quy định pháp luật.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện có quan điểm:

+ Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 về việc hủy bỏ Quyết định số 125/QĐ-UB ngày 28/12/1993 của UBND huyện K và thu hồi Giấy CNQSD đất đã cấp cho bà Lương Thị N1 tại xã H, huyện K nay là phường H, quận D dẫn đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Bùi Lam S với bà Lương Thị N1 từ đủ điều kiện chuyển nhượng đến không đủ điều kiện chuyển nhượng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Bùi Lam S và bà Lương Thị N1 nên ông S có quyền khởi kiện.

+ Quyết định số 125/QĐ-UB ngày 28/12/1993 của UBND huyện K thu hồi đất của HTX thăm len Hưng Đạo giao cho bà N1 làm xưởng sản xuất là không thay đổi mục đích sử dụng từ đất chuyên dùng này sang đất chuyên dùng khác, chỉ là chuyển quyền sử dụng từ người này sang người khác nên UBND huyện K thu hồi và giao đất, cấp giấy CNQSD đất cho bà N1 là đúng thẩm quyền. Bà N1 đã nộp tiền để có quyền sử dụng đất, đã được cấp Giấy CNQSD đất.

+ Kết luận thanh tra số 30 là không hợp pháp, không do cơ quan thanh tra cùng cấp ban hành.

+ Quyết định số 125/QĐ-UB ngày 28/12/1993 của UBND huyện K xác định là đất khu dân cư nông thôn là đúng quy định, áp giá để xác định nghĩa vụ

nộp tiền của bà N1 là đúng. Do không thay đổi mục đích sử dụng nên không thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh theo quy định tại Luật Đất đai năm 1993.

+ UBND quận D không có hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất cho bà N1 mà kết luận cấp trái thẩm quyền là không có căn cứ. Do đó, Quyết định 1040/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của UBND quận D vi phạm cả về nội dung và hình thức. Bản án sơ thẩm bác yêu cầu của ông S là trái pháp luật.

+ Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn vi phạm tố tụng như không đưa vợ ông S và UBND huyện K vào tham gia tố tụng; cho rằng thẩm quyền thu hồi và cấp Giấy CNQSD đất thuộc UBND thành phố H nhưng không hỏi ý kiến của UBND thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

+ Thẩm phán chủ tọa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ các quy định của Luật Tố tụng hành chính; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

+ Về hướng giải quyết vụ án: Sau khi phân tích, nhận định về các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã thu thập và được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của người khởi kiện có nội dung và hình thức phù hợp, trong thời hạn, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại các Điều 205, 206, 209 Luật Tố tụng hành chính nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng về đối tượng và thời hiệu khởi kiện; giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Về sự có mặt của các đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án (ông S1) đã được triệu tập tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội căn cứ ý kiến của các đương sự có mặt, quan điểm của Kiểm sát viên và quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính để xét xử vụ án vắng mặt họ.

[1.4] Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện, người được ủy quyền của người khởi kiện thống nhất rút 02 yêu cầu khởi kiện, gồm: Yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông S và bà N1 là hợp pháp và yêu cầu buộc UBND quận D thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất từ bà N1 sang ông S và vợ là bà T1. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định đình chỉ giải quyết đối với 02 yêu cầu khởi kiện này là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Người khởi kiện chỉ còn yêu cầu Tòa án hủy bỏ toàn bộ quyết định hành chính số 1040/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của UBND quận D khi hủy bỏ Quyết định số 125/QĐ-UB ngày 28/12/1993 của UBND huyện K về việc giao đất và thu hồi đất chuyển nhượng tài sản trong khu dân cư xã H và thu hồi Giấy CNQSD đất do UBND huyện K đã cấp cho bà Lương Thị N1 tại xã H, huyện K nay là phường H, quận D do quyết định hành chính nêu trên của UBND quận D khiến người khởi kiện không thực hiện được quyền của mình sau khi đã thực hiện giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà N1, đã được công chứng hợp pháp.

[3] Xét kháng cáo của người khởi kiện:

[3.1] Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích, đánh giá và xác định việc ra quyết định hành chính số 1040/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của UBND quận D là đúng thẩm quyền, bảo đảm về trình tự, thủ tục và hình thức là có căn cứ, đúng pháp luật. Người khởi kiện cũng không có ý kiến thắc mắc.

[3.2] Xét về nội dung, tính có căn cứ và hợp pháp của Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của UBND quận D.

[3.2.1] Về nguồn gốc, diện tích, phân loại đất:

- Theo sổ mục kê kiêm thống kê năm 1974 có ký hiệu HP-2684/1.000/31-173 của Hợp tác xã P, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng ban hành từ năm 1973 chuyển đến các địa phương để ghi chép, theo dõi, quản lý đất đai hiện do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận D lưu giữ, quản lý và sử dụng, gồm: 03 tờ bản đồ từ số 1 đến số 3 theo dõi thôn P, V và tại tờ bản đồ số 2 (mảnh số 4) thửa 66 chủ sử dụng ghi là “Trường cấp 1” diện tích 1.911m², loại đất “kiến thiết cơ bản”.

- Theo Sổ mục kê năm 1984 được lập theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký ruộng đất trong cả nước hiện do UBND phường H lưu giữ, quản lý và sử dụng: Tại tờ bản đồ số 05 thửa đất số 81, diện tích 1.911m² thuộc thôn P, xã H, huyện K, chủ sử dụng đất ghi là “Thảm len” loại đất “kiến thiết cơ bản”.

- Theo sổ mục kê quyền số 05 lập năm 1995, trang số 8, dòng số 24, thửa số 81, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.911 m² tại cột 2 vẫn ghi chủ sử dụng đất là “Thảm len” và tại cột chia ra các loại đất ghi là “đất xây dựng”.

[3.2.2] Điều 62 Luật Đất đai năm 1993 quy định: “*Đất chuyên dùng là đất được xác định sử dụng vào mục đích không phải là nông nghiệp, lâm nghiệp, làm nhà ở bao gồm: Đất xây dựng các công trình công nghiệp, khoa học, kỹ thuật, hệ thống giao thông, hệ thống thủy lợi, đê điều, văn hoá, xã hội, giáo dục, y tế, thể dục, thể thao, dịch vụ, đất sử dụng cho nhu cầu quốc phòng, an ninh, đất dùng cho thăm dò, khai thác khoáng sản, đá, cát, đất làm muối, đất làm đồ gốm, gạch, ngói và các vật liệu xây dựng khác, đất di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh, đất nghĩa trang, nghĩa địa, đất có mặt nước sử dụng vào các mục đích không phải là nông nghiệp*”.

- Như vậy, Biên bản ngày 24/12/1993 do các cơ quan chuyên môn thuộc huyện K, UBND xã H, Hợp tác xã thảm len Hưng Đạo tổ chức họp kiểm tra hồ

sơ xin chuyển giao quyền sử dụng đất khu dân cư xác định thửa đất số 81 tờ bản đồ số 5 diện tích 1.660m² là đất “*Hạng 3 vùng dân cư nông thôn*” theo Nghị định số 80-CP ngày 06/11/1993 của Chính phủ để tính thuê chuyển quyền sử dụng đất, thu tiền khi giao đất, cho thuê đất, tính giá trị tài sản khi giao đất, bồi thường thiệt hại về đất khi thu hồi của Hợp tác xã thắm len Hưng Đạo làm cơ sở đề nghị UBND huyện K ban hành Quyết định số 125 QĐ/UB ngày 28/12/1993 thu hồi quyền sử dụng đất của Hợp tác xã thắm len Hưng Đạo giao cho bà Lương Thị N1 là trái quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 1993.

[3.2.3] Về việc thu hồi đất, giao đất của UBND huyện K cho bà Lương Thị N1:

- Tại Quyết định số 125 QĐ/UB ngày 28/12/1993 của UBND huyện K về việc giao đất và thu hồi đất chuyển nhượng tài sản trong khu dân cư xã H. Điều 1 thể hiện: “*Thu hồi quyền sử dụng đất của HTX Thắm len diện tích 1.660m² thuộc thửa đất số 81 tờ bản đồ thôn P, xã H*” và tại Điều 3 quyết định việc “*bà Lương Thị N1 sử dụng đất theo đúng mục đích làm xưởng sản xuất, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của chủ sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành*”.

Theo quy định của Luật Đất đai năm 1993:

+ điểm c khoản 3 Điều 23 quy định: UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định giao đất để sử dụng vào mục đích không phải là sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp theo quy định sau đây: “*...c, ...đất chuyên dùng này để sử dụng vào mục đích chuyên dùng khác để làm nhà ở; đất đô thị theo định mức do Chính phủ quy định*”;

+ Điều 28 quy định: “*Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đất nào thì có quyền thu hồi đất đó*”;

- Khoản 2 Điều 36 Luật Đất đai năm 1993 quy định: “*Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất thì cấp Giấy CNQSD đất. Trong trường hợp Chính Phủ quyết định giao đất thì UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp Giấy CNQSD đất*”.

[3.2.4] Đối chiếu với các quy định của pháp luật đã nêu ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại thời điểm tháng 12/1993 UBND thành phố H mới có đủ thẩm quyền ra quyết định thu hồi quyền sử dụng đất của Hợp tác xã Thắm len giao cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng. Việc ngày 28/12/1993 UBND huyện K đã ra Quyết định số 125 QĐ/UB với nội dung thu hồi đất của Hợp tác xã Thắm len và giao cho cá nhân bà N1 là không đúng pháp luật, vượt quá thẩm quyền.

[4] Xét Giấy CNQSD đất số 00001QSDĐ/KT02Q1 ngày 05/6/2002 do Chủ tịch UBND huyện K chứng nhận cho bà Lương Thị N1 được quyền sử dụng 1.660m² có số thửa 81, số tờ bản đồ 05 tại thôn P, xã H, huyện K có thời hạn sử dụng lâu dài, mục đích làm nhà xưởng được cấp ngày 05/6/2002: Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của bà Lương Thị N1 gửi UBND xã H, UBND huyện K ghi ngày 07/6/2002 và ngày 10/6/2002 được lãnh đạo UBND xã H xác nhận đề nghị UBND huyện K xét cấp Giấy CNQSD đất cho bà N1. Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất nêu trên được đo đạc, khảo sát cắm mốc, xác định ranh giới thửa đất vào 14h ngày 08/6/2002 đều được lập sau ngày bà

N1 được cấp Giấy CNQSD đất. Hiện nay không có sổ sách theo dõi việc cấp Giấy CNQSD đất lần đầu mang tên bà Lương Thị N1 tại thửa đất số 81, tờ bản đồ số 05 diện tích 1.660m² địa chỉ thôn P, xã H, huyện K (nay là Tổ dân phố số 5, phường H, quận D) tại các cơ quan đơn vị thuộc huyện K và quận D.

[5] Vì vậy, ngày 16/7/2021 UBND quận D là đơn vị hành chính được thành lập theo Nghị định số 145/2007/NĐ-CP ngày 12/9/2007 của Chính Phủ về việc “*Điều chỉnh địa giới huyện K để thành lập quận D...*” là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của UBND huyện K đối với việc quản lý dân cư, đất đai thuộc địa giới hành chính của mình đã ban hành Quyết định số 1040/QĐ-UBND có nội dung: Hủy bỏ Quyết định số 125 QĐ/UB ngày 28/12/1993 của UBND huyện K về việc thu hồi quyền sử dụng đất của Hợp tác xã Thắm Len Hưng Đạo giao cho bà Lương Thị N1; thu hồi và hủy bỏ Giấy CNQSD đất số 00001QSDĐ/KT02Q1 ngày 05/6/2002 do UBND huyện K cấp cho bà Lương Thị N1 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Mặt khác, theo Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 05/12/2013 của UBND thành phố H phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 quận D đến năm 2025 thì thửa đất số 81, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.660m² địa chỉ thôn P, xã H, huyện K (nay là Tổ dân phố số 5, phường H, quận D) được UBND huyện K cấp Giấy CNQSD đất lần đầu có seri số D 0336595, số vào sổ 00001 QSDĐ/KT02.Q1 ngày 05/6/2002 cho bà Lương Thị N1 thì một phần nằm trong lô đất P1/.13.4 quy hoạch là đất giao thông và bãi đỗ xe; một phần thửa đất nằm trên lô đất CX1/I.13.4 quy hoạch là đất cây xanh, thể dục thể thao và phần diện tích còn lại của thửa đất quy hoạch mở rộng đường giao thông đô thị, phục vụ lợi ích công cộng, không có quy định về việc quy hoạch để sử dụng làm đất ở.

[7] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Bùi Lam S là có căn cứ, đúng pháp luật. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí hành chính phúc thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Bùi Lam S phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

1. Bác kháng cáo của ông Bùi Lam S. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 89/2022/HC-ST ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Bùi Lam S phải chịu 300.000 đồng, được đối trừ với số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng phí tại Biên lai thu tiền

số 0000881 ngày 17/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.
Ông Bùi Lam S đã nộp đủ tiền án phí.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS Thành phố Hải Phòng;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP, HCTP
TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hải Thanh